

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015)
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khắc Đô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

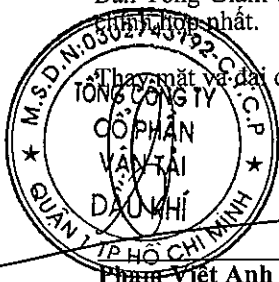
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số: 507 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 và số 22 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày sự thay đổi từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế và Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (Công ty con) liên quan đến việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được tiếp tục ghi nhận như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 10.978.611.643 đồng và số dư dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm với số tiền là 26.674.138.247 đồng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm với số tiền là 37.652.749.890 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.028.071.603.343	6.092.356.841.577
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.339.916.828	8.436.142.448
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	13.339.916.828	8.436.142.448
II. Tài sản cố định	220		5.523.012.350.485	4.047.363.945.400
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	5.520.521.343.770	4.044.934.310.331
- Nguyên giá	222		8.055.024.920.375	6.263.977.201.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.534.503.576.605)	(2.219.042.891.643)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.491.006.715	2.429.635.069
- Nguyên giá	228		4.943.885.538	4.609.857.870
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.452.878.823)	(2.180.222.801)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	8.511.460.000	8.511.460.000
1. Nguyên giá	231		8.511.460.000	8.511.460.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		49.492.500	1.543.135.008.456
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		49.492.500	1.543.135.008.456
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		370.121.606.506	378.302.974.504
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	144.183.839.206	135.250.698.252
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	45.937.767.300	63.052.276.252
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6	180.000.000.000	180.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		113.036.777.024	106.607.310.769
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	106.390.134.287	100.374.352.771
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	6.646.642.737	5.523.061.131
3. Lợi thế thương mại	269		-	709.896.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		9.656.163.698.111	9.349.934.507.196

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.330.724.925.210	5.377.512.348.811
I. Nợ ngắn hạn	310		2.177.979.907.857	1.500.261.649.671
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	833.012.917.535	480.480.790.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.278.498.674	21.566.066.204
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	54.031.752.798	31.197.240.331
4. Phải trả người lao động	314		129.617.999.412	109.326.259.671
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	51.606.151.499	62.360.827.104
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.361.141.247	996.218.183
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	51.309.221.663	54.820.829.507
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	902.429.496.663	629.386.069.744
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	84.190.081.945	80.953.925.357
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.142.646.421	29.173.422.743
II. Nợ dài hạn	330		3.152.745.017.353	3.877.250.699.140
1. Phải trả người bán dài hạn	331	23	346.336.704.000	577.227.840.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	4.668.429.461	4.445.925.245
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	47.668.371.039	39.096.673.070
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	2.715.753.220.402	3.238.287.613.579
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	38.318.292.451	18.192.647.246
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	25	4.325.438.772.901	3.972.422.158.385
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.325.438.772.901	3.972.422.158.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.558.575.420.000	2.558.575.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.558.575.420.000	2.558.575.420.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		128.203.379.690	126.833.343.854
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		31.731.319.770	18.909.569.022
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		678.408.729.899	426.453.071.434
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		310.317.267.326	85.313.219.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		368.091.462.573	341.139.852.383
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		928.519.923.542	841.650.754.075
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		9.656.263.698.111	9.349.934.507.196

Nguyễn Thế Dân
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 17 tháng 3 năm 2016



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015		2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.761.450.705.430		5.267.992.727.282	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		389.418.250	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	28	5.761.450.705.430		5.267.603.309.032	
4. Giá vốn hàng bán	11	29	4.984.219.025.651		4.718.954.665.384	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		777.231.679.779		548.648.643.648	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	131.573.279.984		159.116.957.921	
7. Chi phí tài chính	22	32	227.120.039.861		145.820.491.774	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.713.521.505		94.650.191.245	
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	13	31.946.553.469		28.474.385.376	
9. Chi phí bán hàng	25		7.832.228.720		5.901.992.870	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	211.778.114.245		189.504.471.440	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		494.021.130.406		395.013.030.861	
12. Thu nhập khác	31		67.135.269.627		99.814.730.784	
13. Chi phí khác	32		14.917.027.843		9.137.118.767	
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	34	52.218.241.784		90.677.612.017	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		546.239.372.190		485.690.642.878	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	114.672.179.021		80.574.013.045	
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	35	(1.123.581.606)		3.030.473.529	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		432.690.774.775		402.086.156.304	
Phân bổ cho:						
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		368.091.462.573		341.139.852.383	
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25	64.599.312.202		60.946.303.921	
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.315		1.219	


Nguyễn Thế Dân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2016





Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 44 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

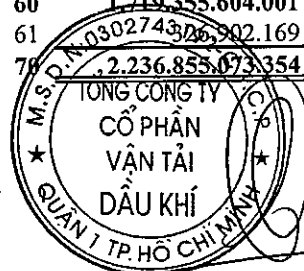
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU B 03-DN/HN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	546.239.372.190		485.690.642.878	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	447.313.425.698		397.371.143.570	
Các khoản dự phòng	03	52.659.504.100		(11.153.126.385)	
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	107.454.450.415		33.431.912.779	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(174.968.330.789)		(259.404.240.039)	
Chi phí lãi vay	06	96.713.521.505		94.650.191.245	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.075.411.943.119		740.586.524.048	
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(85.874.670.458)		48.061.012.160	
Giảm hàng tồn kho	10	199.209.553		8.021.283.326	
(Tăng)/Giảm các khoản phải trả	11	18.865.357.195		(61.036.460.945)	
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(9.597.865.560)		43.916.665.614	
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	6.137.602.014		-	
Tiền lãi vay đã trả	14	(102.710.032.233)		(93.712.352.001)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(101.242.018.047)		(83.058.105.570)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	40.707.810.723		-	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(51.176.168.027)		(12.607.072.464)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	790.721.168.279		590.171.494.168	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(367.096.554.508)		(580.190.633.830)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	49.564.651.805		182.403.500.256	
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(371.341.695.000)		(946.020.706.351)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	628.138.747.293		796.135.333.333	
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	4.489.422.749		-	
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	128.246.006.438		188.599.642.986	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	72.000.578.777		(359.072.863.606)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	150.000.000		40.000.000	
2. Tiền thu từ đi vay	33	174.663.681.755		395.218.508.872	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(481.107.821.485)		(883.746.854.048)	
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.255.040.142)		(19.303.890.029)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(345.549.179.872)		(507.792.235.205)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	517.172.567.184		(276.693.604.643)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.719.355.604.001		1.995.074.404.085	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	326.902.169		974.804.559	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.236.855.073.354		1.719.355.604.001	


Nguyễn Thế Dân
Người lập biểu


Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng


Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2016



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 653 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 596 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Công ty Vũng Tàu”)	Số 186 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty Hà Nội”)	Tầng 14, Tòa nhà 319-Bộ Quốc Phòng, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	99,72%	99,72%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty Phương Nam”)	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	69,63%	69,63%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.

N:01007
 C
 C
 TRÁCH
 DE
 VI
 TIAN 1-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Thái Bình Dương")	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty Sản phẩm khí")	Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty Đông Dương")	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	38,67%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long (sau đây gọi tắt là "Công ty Cửu Long")	Tầng 3, tòa nhà PJCO Tower, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	22,63%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phân bón.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty Phương Đông Việt")	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,99%	62,3%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty Quảng Ngãi")	E1, Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi Tỉnh Quảng Ngãi	97,44%	97,44%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm nay, như được trình bày tại Thuyết minh số 41.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

002
NH
TY
IUI
TE
M
/33

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phân sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty mẹ tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 5 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, lợi thế thương mại này không được khấu hao theo quy định của Thông tư 202. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	05 - 25
Thiết bị văn phòng	02 - 08

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thay đổi ước tính về thời gian sử dụng hữu ích của tàu dầu thô PVT Mercury, thời gian hữu ích giảm từ 25 năm xuống còn 20 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu định kỳ, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.623.320.499	1.821.196.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	406.329.959.648	243.204.223.345
Các khoản tương đương tiền	<u>1.827.901.793.207</u>	<u>1.474.330.183.716</u>
	<u>2.236.855.073.354</u>	<u>1.719.355.604.001</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Đồng thời, các khoản tương đương tiền cũng bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 175.749.937.629 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 154.749.937.629 đồng) trong tài khoản đồng chủ sở hữu với Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất ("DQS"). Đây là tài khoản dùng để quản lý khoản tiền giải ngân cho dự án đóng tàu có trọng tải 105.000 DWT. Công ty Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty) đã chuyển khoản tiền giải ngân vào tài khoản này để cùng DQS quản lý và kiểm soát bằng cách chỉ được chuyển đến tài khoản của DQS khi có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền theo pháp luật và đóng dấu của hai chủ tài khoản kèm theo hồ sơ giải ngân. Công ty Thái Bình Dương được toàn quyền thụ hưởng và sử dụng toàn bộ số tiền lãi phát sinh trong suốt thời gian mở tài khoản đồng chủ tài khoản.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015			31/12/2014		
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị hợp lý	Dự phòng <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị hợp lý	Dự phòng <u>VND</u>
a) Chứng khoán kinh doanh						
Cổ phiếu DPM	-	-	-	654.734.080	277.200.000	(377.534.080)
Cổ phiếu HAP	157.596	27.500	(130.096)	1.071.810.000	250.403.400	(821.406.600)
Cổ phiếu SSI	265.621.091	117.216.000	(148.405.091)	2.921.832.000	1.210.000.000	(1.711.832.000)
Cổ phiếu STB	191.642	88.800	(102.842)	1.448.730.000	952.506.000	(496.224.000)
Cổ phiếu khác	137.737	50.600	(87.137)	306.604.000	249.744.000	(56.860.000)
	<u>266.108.066</u>	<u>117.382.900</u>	<u>(148.725.166)</u>	<u>6.403.710.080</u>	<u>2.939.853.400</u>	<u>(3.463.856.680)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	402.141.695.000	402.141.695.000	674.738.747.293	674.738.747.293
	<u>402.141.695.000</u>	<u>402.141.695.000</u>	<u>674.738.747.293</u>	<u>674.738.747.293</u>
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	180.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000	180.000.000.000
	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

(1) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,4% đến 6,8% (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5,3% đến 7,3%).

(2) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 7,2% đến 7,5% (31 tháng 12 năm 2014: từ 7,2% đến 7,5%).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Sellan Gas	129.293.360.743	27.997.459.837
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	10.458.231.572	12.965.763.177
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh Bình Rạng Đông	4.988.915.197	5.400.340.365
Công ty TNHH Việt Tân	-	2.282.491.029
Arvand Coastal Waves Co.	-	1.472.290.987
Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp	-	5.722.388.211
Công ty TNHH MTV Gas Venus	33.025.975.819	-
Navig8 Pool Inc.	-	1.268.190.832
Hazel Middle East	7.902.400.000	-
Các đối tượng khác	166.074.969.608	72.490.954.863
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	220.842.538.552	229.277.325.064
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	41.754.703.986	751.080.198
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	26.947.014.205	44.675.281.225
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	26.048.445.847	65.728.688.185
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	7.643.415.957	4.317.765.268
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	3.026.483.514	-
Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	3.615.997.176	-
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	3.098.469.992	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.557.410.327	133.068.078
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến khí Vũng Tàu	1.372.406.221	-
Công ty TNHH PVTrans Emas	2.941.040	98.398.089.441
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	226.064.789	4.220.627.850
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép dầu khí Việt Nam	-	3.265.326.723
Các bên liên quan khác	13.750.214.617	14.458.801.020
	<u>701.629.959.162</u>	<u>594.825.932.353</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	90.962.447.000	35.788.128.700
Tạm ứng cho nhân viên	8.330.991.006	8.125.361.660
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	36.032.473.005	13.268.712.518
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	278.900.000
Phải thu khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH PVTrans Emas	-	6.150.000.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	51.746.128	49.279.831
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	793.437.549	793.437.549
Các khoản phải thu khác		
- Thu tiền bồi thường (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.198.147.523	12.583.736.703
- Các đối tượng khác	22.614.785.682	47.550.492.464
	<u>251.984.027.893</u>	<u>204.588.049.425</u>
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	8.485.078.735	8.436.142.448
Phải thu khác	4.854.838.093	
	<u>13.339.916.828</u>	<u>8.436.142.448</u>

(*) Thu tiền bồi thường thể hiện khoản phải thu của Công ty Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty) liên quan tới hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè. Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 02/2015/HSPT ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Tòa phúc thẩm (Tòa án nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như và bị cáo Võ Anh Tuấn phải liên đới bồi thường cho Công ty Thái Bình Dương số tiền này. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thẻ thu hồi <u>VND</u>	Giá gốc <u>VND</u>	Giá trị có thẻ thu hồi <u>VND</u>
Đối tượng nợ				
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.882.151.236	-	12.950.773.338	-
Vitol Asia Pte Ltd	1.968.640.500	-	1.848.242.130	-
Navig8 Pool Inc	1.929.599.950	-	2.124.594.740	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè	80.000.000.000	-	80.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt	3.621.148.541	-	3.621.148.541	-
Công ty TNHH Thủy Sản H.M.P.	13.381.028.500	-	13.381.028.500	-
Đối tượng khác	13.372.715.444	-	15.640.423.461	632.974.593
	<u>128.155.284.171</u>	<u>-</u>	<u>129.566.210.710</u>	<u>632.974.593</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhiên liệu	68.532.902.117	(1.535.044.174)	79.367.990.254	-
Công cụ, dụng cụ	24.905.106.559	-	20.664.297.473	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	326.479.923	-	-	-
Hàng hoá	12.639.507.153	(2.033.066.301)	3.157.779.079	(154.971.976)
	106.403.995.752	(3.568.110.475)	103.190.066.806	(154.971.976)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	545.454.545	12.549.791.192	6.244.709.709.634	6.172.246.603	6.263.977.201.974
Mua trong năm	-	-	64.838.206.694	4.063.207.925	68.901.414.619
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.887.069.161.076	-	1.887.069.161.076
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.437.018.986)	(162.165.042.108)	(320.796.200)	(164.922.857.294)
Phân loại lại	-	(195.822.638)	(178.135.350)	373.957.988	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>545.454.545</u>	<u>9.916.949.568</u>	<u>8.034.273.899.946</u>	<u>10.288.616.316</u>	<u>8.055.024.920.375</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	(218.181.814)	(8.031.815.334)	(2.206.647.612.987)	(4.145.281.508)	(2.219.042.891.643)
Khấu hao trong năm	(54.545.448)	(1.774.912.639)	(443.622.240.980)	(1.589.070.609)	(447.040.769.676)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.834.710.630	129.439.445.018	305.929.066	131.580.084.714
Phân loại lại	-	283.482.856	(343.287.036)	59.804.180	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>(272.727.262)</u>	<u>(7.688.534.487)</u>	<u>(2.521.173.695.985)</u>	<u>(5.368.618.871)</u>	<u>(2.534.503.576.605)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	<u>272.727.283</u>	<u>2.228.415.081</u>	<u>5.513.100.203.961</u>	<u>4.919.997.445</u>	<u>5.520.521.343.770</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>327.272.731</u>	<u>4.517.975.858</u>	<u>4.038.062.096.647</u>	<u>2.026.965.095</u>	<u>4.044.934.310.331</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 6.246.228.766.386 đồng và 4.756.739.306.277 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.468.314.955.011 đồng và 3.718.510.322.618 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Ngoài ra, Công ty Sản phẩm khí (Công ty con của Tổng Công ty) cũng đã thế chấp phương tiện vận tải với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 94.759.233.638 đồng và 8.530.431.422 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 94.759.233.638 đồng và 21.222.415.175 đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long để phát hành thư bảo lãnh thanh toán kinh doanh khí hóa lỏng. Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng 12 tháng từ ngày 07 tháng 01 năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 75.887.047.346 đồng, 1.320.739.577 đồng và 3.845.109.963 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 : 77.762.453.560 đồng, 0 đồng và 3.160.508.000 đồng).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thay đổi ước tính về thời gian sử dụng hữu ích của tàu dầu thô PVT Mercury, thời gian hữu ích giảm từ 25 năm xuống còn 20 năm. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này là phù hợp với đặc tính kỹ thuật và điều kiện khai thác của con tàu. Nếu Tổng Công ty thực hiện khấu hao tài sản cố định giống như trước đây, giá vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và số dư khấu hao lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm với số tiền là 11.813.507.963 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm sẽ tăng với số tiền tương ứng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bất động sản đầu tư bao gồm chi phí đầu tư vào ba lô đất nền số 8 lô A, số 20 lô A và số 43 lô E thuộc dự án Khu dân cư Phước Long A, Bắc Rạch Chiếc, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 8.511.460.000 đồng (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2014).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cửu Long (Công ty con của Tổng Công ty) hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này, nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty Cửu Long sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty Cửu Long chưa thực hiện đánh giá tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh	99.025.000.000	99.025.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	45.158.839.206	36.225.698.252
	<u><u>144.183.839.206</u></u>	<u><u>135.250.698.252</u></u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH PVTrans Emas	1.025.000.000	1.025.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<u><u>99.025.000.000</u></u>	<u><u>99.025.000.000</u></u>

Công ty TNHH PVTrans Emas (gọi tắt là "PVT Emas") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cấu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, PVT Emas đã chuyển giao cho bên thứ ba tất cả các hợp đồng cung cấp dịch vụ và hàng hóa và đang hoàn tất thủ tục giải thể công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	535.728.075.385	693.428.466.516
Tổng công nợ	(242.188.098.213)	(422.616.329.884)
Tài sản thuần	<u>293.539.977.172</u>	<u>270.812.136.632</u>
Phân tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	<u>144.183.839.206</u>	<u>135.250.698.252</u>
	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu thuần	563.237.101.054	499.672.032.049
Lợi nhuận thuần	<u>31.325.226.175</u>	<u>16.770.599.838</u>
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	<u>31.946.553.469</u>	<u>28.474.385.376</u>

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	63.052.276.252	-
	<u>45.937.767.300</u>	<u>-</u>	<u>63.052.276.252</u>	<u>-</u>

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã góp 2.389.343 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.205.425 Đô la Mỹ).

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	101.809.865.148	80.387.077.997
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	280.928.208	2.451.800.790
Chi phí dài hạn khác	<u>4.299.340.931</u>	<u>17.535.473.984</u>
	<u>106.390.134.287</u>	<u>100.374.352.771</u>

(*) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty Sản phẩm khí (Công ty con của Tổng Công ty) đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí, theo đó, chi phí sửa chữa tàu được phân bổ hết vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Nếu Công ty Sản phẩm khí thực hiện việc phân bổ chi phí sửa chữa lớn này giống như trước đây, số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày trong báo cáo tài chính hợp nhất sẽ giảm với số tiền là 10.978.611.643 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 10.978.611.643 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.646.642.737	5.523.061.131
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.646.642.737	5.523.061.131

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán là bên thứ ba				
Công ty TNHH MTV Gas Venus	54.686.153.111	54.686.153.111	-	-
Công ty TNHH Daishan Haizhou Shipyard	21.327.500.000	21.327.500.000	-	-
Wallem Ship Management Ltd	11.777.189.629	11.777.189.629	11.215.871.460	11.215.871.460
Công ty Hoàng Long	-	-	3.852.450.000	3.852.450.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	10.009.543.285	10.009.543.285	10.009.543.285	10.009.543.285
Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Phúc Hải Phong	-	-	10.406.796.020	10.406.796.020
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhiên liệu tàu biển Vina	-	-	15.507.823.360	15.507.823.360
Teekay chartering Ltd	-	-	11.506.448.750	11.506.448.750
Phải trả cho các đối tượng khác	183.016.239.026	183.016.239.026	172.571.008.197	172.571.008.197
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	189.660.576.000	189.660.576.000	41.378.373.115	41.378.373.115
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	168.120.672.732	168.120.672.732	31.289.894.507	31.289.894.507
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	60.579.676.813	60.579.676.813	16.596.698.464	16.596.698.464
CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	31.533.916.342	31.533.916.342	26.851.935.953	26.851.935.953
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	27.687.583.875	27.687.583.875	71.006.438.384	71.006.438.384
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	24.092.547.500	24.092.547.500	-	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	11.983.020.011	11.983.020.011	13.934.400.782	13.934.400.782
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	15.377.344.360	15.377.344.360	14.639.981.399	14.639.981.399
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	7.825.675.000	7.825.675.000	4.557.267.000	4.557.267.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	3.113.905.900	3.113.905.900	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.147.865.635	2.147.865.635	2.631.786.180	2.631.786.180
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	994.536.870	994.536.870	-	-
Công ty TNHH Một thành viên khí hóa lỏng Việt Nam	-	-	13.539.820.394	13.539.820.394
Các bên liên quan khác	9.078.971.446	9.078.971.446	8.984.253.577	8.984.253.577
	833.012.917.535	833.012.917.535	480.480.790.827	480.480.790.827



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu	Số đã thực thu	31/12/2015
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.468.217.837	1.136.403.140	3.582.256.233	22.364.744
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2.986.058.997	740.402.775	3.726.461.772	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	840.510.846	-	831.341.571	9.169.275
Thuế thu nhập cá nhân	192.317.688	-	185.597.758	6.719.930
Thuế nhà thầu	-	206.372.892	196.259.162	10.113.730
Thuế khác	441.330.468	1.307.263.650	1.748.594.118	-
	6.928.435.836	3.390.442.457	10.270.510.614	48.367.679
		Số phải nộp	Số đã thực	31/12/2015
	01/01/2015	trong năm	nộp trong năm	VND
	VND	VND	VND	VND
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.128.296.786	113.547.486.804	103.610.670.707	12.065.112.883
Thuế xuất, nhập khẩu	-	685.547.775	685.547.775	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.695.270.585	114.030.999.366	101.252.758.152	37.473.511.799
Thuế thu nhập cá nhân	2.876.652.403	37.727.951.997	36.448.655.961	4.155.948.439
Thuế nhà thầu	1.497.020.557	18.908.030.749	20.216.150.757	188.900.549
Thuế môn bài	-	39.000.000	39.000.000	-
Các loại thuế khác	-	275.453.443	127.174.315	148.279.128
	31.197.240.331	285.214.470.134	262.379.957.667	54.031.752.798

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	20.227.768.823	39.498.768.471
Chi phí đóng tàu Aframax	7.506.733.049	-
Phí bảo lãnh, quản lý	1.655.130.409	7.407.804.063
Phí hoa hồng, đại lý	714.625.751	714.625.751
Nhiên liệu, vật tư phụ tùng	384.995.936	862.735.850
Chi phí khác	21.116.897.531	13.876.892.969
	51.606.151.499	62.360.827.104
b) Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	4.668.429.461	4.445.925.245
	4.668.429.461	4.445.925.245

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ xử lý	383.009.927	390.267.730
Kinh phí công đoàn	1.346.360.138	624.912.519
Bảo hiểm xã hội	1.319.730.347	831.694.903
Bảo hiểm y tế	121.981.845	48.060.509
Bảo hiểm thất nghiệp	95.748.929	69.894.058
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.348.203.160	8.317.636.762
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	258.898.096	562.146.200
Các khoản phải trả khác các bên liên quan		
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.030.080.657	3.812.961.784
- Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	920.225.177	1.557.295.575
Các khoản phải trả khác	<u>36.484.983.387</u>	<u>38.605.959.467</u>
	<u>51.309.221.663</u>	<u>54.820.829.507</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>47.668.371.039</u>	<u>39.096.673.070</u>
	<u>47.668.371.039</u>	<u>39.096.673.070</u>

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	39.060.538.045	39.060.538.045	12.000.000.000	51.060.538.045	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	590.325.531.699	590.325.531.699			902.429.496.663	902.429.496.663
	<u>629.386.069.744</u>	<u>629.386.069.744</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>51.060.538.045</u>	<u>902.429.496.663</u>	<u>902.429.496.663</u>

22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	99.146.572.603	-	99.146.572.603
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	142.713.519.897	1.765.354.102	144.478.873.999
Hoàn nhập dự phòng	(87.726.286.439)	-	(87.726.286.439)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	<u>(33.390.785.767)</u>	<u>-</u>	<u>(33.390.785.767)</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>120.743.020.294</u>	<u>1.765.354.102</u>	<u>122.508.374.396</u>

Chi tiết

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nợ ngắn hạn	84.190.081.945	-
Nợ dài hạn	<u>38.318.292.451</u>	<u>54.820.829.507</u>
	<u>122.508.374.396</u>	<u>54.820.829.507</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày ở Thuyết minh số 15 - Chi phí trả trước dài hạn, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty Sản phẩm khí và Công ty Phương Đông Việt (Các công ty con của Tổng Công ty) đã thay đổi việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn định kỳ của tài sản cố định từ phân bổ chi phí thực tế phát sinh sang trích trước chi phí. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp hơn với dự toán và kế hoạch sửa chữa lớn tàu định kỳ và tạo ra đủ nguồn cho các kế hoạch sửa chữa này. Nếu các công ty này thực hiện việc ghi nhận chi phí sửa chữa lớn này giống như trước đây, số dự phòng phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày trong báo cáo tài chính hợp nhất sẽ giảm với số tiền là 26.674.138.247 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 26.674.138.247 đồng.

23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	346.336.704.000	346.336.704.000	577.227.840.000	577.227.840.000
	346.336.704.000	346.336.704.000	577.227.840.000	577.227.840.000

Phải trả người bán dài hạn thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013). Trong năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn trả với số tiền là 82.461.120.000 đồng, khoản nợ còn lại được hoàn trả theo lịch sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	189.660.576.000	41.230.560.000
Trong năm thứ hai	28.861.392.000	41.230.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.584.176.000	123.691.680.000
Sau năm năm	230.891.136.000	412.305.600.000
	535.997.280.000	618.458.400.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán ngắn hạn)	(189.660.576.000)	(41.230.560.000)
Số phải trả sau 12 tháng	346.336.704.000	577.227.840.000

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	3.828.613.145.278	3.828.613.145.278	350.196.125.791	560.626.554.004	3.618.182.717.065	3.618.182.717.065

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citibank Việt Nam	1.298.068.465.793	1.440.379.623.428
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	952.280.354.656	926.845.090.647
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	622.731.713.710	597.062.883.743
Ngân hàng Natixis - chi nhánh Hồ Chí Minh	420.878.150.000	440.395.870.255
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	178.520.965.406	263.196.127.605
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long	70.000.000.000	72.500.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	41.446.067.500	65.784.549.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	23.667.000.000	22.449.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	10.590.000.000	-
	<u>3.618.182.717.065</u>	<u>3.828.613.145.278</u>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 1.339 tỷ đồng, 147.529.512 Đô la Mỹ và 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 109.477.009 Đô la Mỹ). Các khoản vay được đảm bảo bằng một số phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 11), cùng doanh thu về cước tàu của Công ty Thái Bình Dương, Công ty con của Tổng Công ty, và phần vốn góp của Tổng Công ty trong công ty này. Tổng Công ty phải chịu lãi suất lãi tiền vay từ 4,34% đến 6,15%/năm cho khoản vay bằng tiền đô la Mỹ và lãi suất kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88% - 4,5%/năm hoặc lãi suất là 0,1% - 6,15%/năm cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	902.429.496.663	590.325.531.699
Trong năm thứ hai	570.443.822.358	613.103.526.249
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.577.176.017.473	1.594.629.100.889
Sau năm năm	568.133.380.571	1.030.554.986.441
	<u>3.618.182.717.065</u>	<u>3.828.613.145.278</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(902.429.496.663)	(590.325.531.699)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.715.753.220.402</u>	<u>3.238.287.613.579</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 31/12/2014	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	255.857.542	2.558.575.420.000	255.857.542	2.558.575.420.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	255.857.542	2.558.575.420.000	255.857.542	2.558.575.420.000
			<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng			255.857.542	255.857.542
+ Cổ phần phổ thông			255.857.542	255.857.542
Số lượng cổ phần đang lưu hành			255.857.542	255.857.542
+ Cổ phần phổ thông			255.857.542	255.857.542

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng 1 cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	2.326.000.000.000	197.917.394.786	8.921.493.957	285.799.547.122	803.839.134.193	3.622.477.570.058
Tăng vốn trong năm	232.575.420.000	(93.040.000.000)	-	(139.535.420.000)	40.000.000	40.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	341.139.852.383	60.946.303.921	402.086.156.304
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(19.303.890.029)	(19.303.890.029)
Phân phối quỹ	-	21.955.949.068	9.988.075.065	(31.944.024.133)	(3.870.794.010)	(3.870.794.010)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(20.835.375.237)	-	(20.835.375.237)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	(5.956.369.027)	-	(5.956.369.027)
Giảm khác	-	-	-	(2.215.139.674)	-	(2.215.139.674)
Tại ngày 31/12/2014	2.558.575.420.000	126.833.343.854	18.909.569.022	426.453.071.434	841.650.754.075	3.972.422.158.385
Tăng vốn trong năm	-	-	-	150.000.000	150.000.000	150.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	368.091.462.573	64.599.312.202	432.690.774.775
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(39.581.231.942)	(39.581.231.942)
Phân phối quỹ	-	1.370.035.836	12.821.750.748	(14.191.786.584)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(29.352.079.612)	(3.483.436.190)	(32.835.515.802)
Thù lao Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	-	-	-	(1.421.605.109)	(612.394.891)	(2.034.000.000)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(65.614.299.923)	65.614.299.923	-
Giảm khác	-	-	-	(5.556.032.880)	182.620.365	(5.373.412.515)
Tại ngày 31/12/2015	2.558.575.420.000	128.203.379.690	31.731.319.770	678.408.729.899	928.519.923.542	4.325.438.772.901

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-ĐHĐCĐ-NQ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 và quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 204.686.033.600 đồng và 51.171.508.400 đồng. Hiện tại, Tổng Công ty chưa thực hiện việc tăng vốn theo nghị quyết này do có sự thay đổi phương án tăng vốn và sẽ trình Đại hội cổ đông 2016 phê duyệt.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.304.873.460.000	51,00	1.304.873.460.000	51,00
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	168.939.630.000	6,60	168.939.630.000	6,60
Market Vectors ETF Trust - Market Vectors-Vietnam ETF	150.886.150.000	5,90	129.365.050.000	5,06

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Sản phẩm khí VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014									
Vốn điều lệ của công ty con	156.232.000.000	108.100.000.000	582.565.080.000	942.750.280.000	100.000.000.000	230.000.000.000	300.000.000.000	200.000.000.000	7.650.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	156.000.000.000	107.800.000.000	405.632.000.000	612.000.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	203.209.000.000	137.869.870.000	7.600.000.000
- Vốn của cổ đông không kiểm soát	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	61.330.000.000	177.962.280.000	96.791.000.000	62.130.130.000	50.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0,15%	0,28%	30,37%	35,08%	61,33%	77,37%	32,26%	31,07%	0,65%
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015									
Vốn điều lệ của công ty con	156.232.000.000	108.100.000.000	582.565.080.000	942.750.280.000	100.000.000.000	230.000.000.000	300.000.000.000	200.000.000.000	7.800.000.000
Trong đó:									
- Vốn của Công ty mẹ	156.000.000.000	107.800.000.000	405.632.000.000	612.000.000.000	38.670.000.000	52.037.720.000	203.209.000.000	137.869.870.000	7.600.000.000
- Vốn của cổ đông không kiểm soát	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	61.330.000.000	177.962.280.000	96.791.000.000	62.130.130.000	200.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	0,15%	0,28%	30,37%	35,08%	61,33%	77,37%	32,26%	31,07%	2,56%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014										
Vốn của cổ đông không kiểm soát	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	61.330.000.000	177.962.280.000	145.791.000.000	64.025.130.000	50.000.000	957.373.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	474.515.625	-	474.515.625
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	3.747.280.406	-	-	3.747.280.406
Quỹ dự phòng tài chính	385.735	-	-	1.895.160.528	-	649.313.786	4.394.954.877	-	-	6.939.814.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	-	738.886.629	551.551.099	-	-	1.948.177.946
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.355.296	32.193.904	(141.184.716.318)	(440.195.264)	(3.888.486.436)	26.435.887.839	26.957.733.677	(36.804.469.927)	40.892.401	(128.832.804.828)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.355.296	32.193.904	(141.184.716.318)	(440.195.264)	(3.888.486.436)	26.435.887.839	26.957.733.677	(36.804.469.927)	40.892.401	(128.832.804.828)
	250.741.031	332.193.904	35.748.363.682	332.862.985.482	57.441.513.564	205.786.368.254	181.442.520.059	27.695.175.698	90.892.401	841.650.754.075
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015										
Vốn của cổ đông không kiểm soát	232.000.000	300.000.000	176.933.080.000	330.750.280.000	61.330.000.000	177.962.280.000	145.791.000.000	64.025.130.000	200.000.000	957.523.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	-	500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	551.551.099	-	-	551.551.099
Quỹ đầu tư phát triển	385.735	-	-	1.895.160.528	-	649.313.786	9.364.541.895	-	-	11.909.401.944
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	657.740.218	-	1.484.436.802	-	-	-	2.142.177.020
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.012.613	45.612.956	(83.776.028.275)	5.136.819.124	(1.513.981.568)	18.866.221.111	32.549.368.143	(15.636.457.736)	203.457.111	(44.106.976.521)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.012.613	45.612.956	(83.776.028.275)	5.136.819.124	(1.513.981.568)	18.866.221.111	32.549.368.143	(15.636.457.736)	203.457.111	(44.106.976.521)
	250.398.348	345.612.956	93.157.051.725	338.439.999.870	59.816.018.432	198.962.251.699	188.256.461.137	48.888.672.264	403.457.111	928.519.923.542

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:

	Công ty Vũng Tàu VND	Công ty Hà Nội VND	Công ty Phương Nam VND	Công ty Thái Bình Dương VND	Công ty Đông Dương VND	Công ty Cửu Long VND	Công ty Sân phẩm khí VND	Công ty Phương Đông Việt VND	Công ty Quảng Ngãi VND	Tổng VND
Năm 2014										
Lợi nhuận trong năm	2.685.127.264	6.616.189.580	32.232.896.877	18.000.966.282	1.856.084.904	19.271.110.675	43.134.145.987	22.252.957.547	1.655.819.388	147.705.298.504
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	3.987.336	18.361.303	9.789.577.023	6.315.378.276	1.138.336.872	14.911.003.452	21.635.094.811	7.123.742.499	10.822.349	60.946.303.921
Năm 2015										
Lợi nhuận trong năm	5.055.636.986	6.013.101.277	18.365.351.885	17.096.427.527	3.871.685.746	16.507.563.422	66.717.821.039	24.449.925.279	1.768.290.040	159.845.803.201
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	7.507.475	16.687.608	5.577.811.623	5.998.033.956	2.374.504.868	12.772.711.408	29.979.666.272	7.827.048.222	45.340.770	64.599.312.202

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	31/12/2014
- Đô la Mỹ (USD)	6.089.773	2.576.122
- Euro (EUR)	599	621
- Yên Nhật (JPY)	100	100
- Đô la Singapore (SGD)	782	669

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đề phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu và xe taxi;

Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi - kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi và quản lý kho nổi cho mỏ dầu;

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;

Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

31/12/2015	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	6.821.431.390.889	2.058.741.367.231	162.395.365.487	19.170.957.913	9.061.739.081.520
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết					45.158.839.206
Tài sản không phân bổ					549.265.777.385
Tổng tài sản hợp nhất					<u>9.656.163.698.111</u>
Nợ phải trả bộ phận	3.830.072.351.469	1.907.878.316.238	157.189.305.724	15.837.713.740	5.910.977.687.171
Nợ phải trả không phân bổ					(580.252.761.961)
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.330.724.925.210</u>
31/12/2014	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	7.187.278.036.126	164.683.004	202.405.832.032	211.734.751.615	7.601.583.302.777
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết					28.474.385.376
Tài sản không phân bổ					1.719.876.819.043
Tổng tài sản hợp nhất					<u>9.349.934.507.196</u>
Nợ phải trả bộ phận	3.011.205.575.331	7.823.114.671	111.264.759.527	86.920.214.721	3.217.213.664.250
Nợ phải trả không phân bổ					2.160.298.684.561
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.377.512.348.811</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm 2015	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.773.845.345.031	493.992.949.125	2.184.148.790.665	309.463.620.609	5.761.450.705.430
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	2.773.845.345.031	493.992.949.125	2.184.148.790.665	309.463.620.609	5.761.450.705.430
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	550.852.402.173	176.672.772.549	8.502.925.754	41.203.579.303	777.231.679.779
Chi phí không phân bổ					(219.610.342.965)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					557.621.336.814
Doanh thu hoạt động tài chính					163.519.833.453
Lợi nhuận khác					52.218.241.784
Chi phí tài chính					(227.120.039.861)
Lợi nhuận trước thuế					546.239.372.190
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(114.672.179.021)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.123.581.606
Lợi nhuận trong năm					432.690.774.775
Thông tin khác					
Khấu hao					447.313.425.698
Năm 2014					
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.490.565.760.405	147.177.935.512	2.112.118.749.265	517.740.863.850	5.267.603.309.032
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	2.490.565.760.405	147.177.935.512	2.112.118.749.265	517.740.863.850	5.267.603.309.032
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	432.306.355.224	56.984.616.124	2.171.517.340	57.186.154.960	548.648.643.648
Chi phí không phân bổ					(195.406.464.310)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					353.242.179.338
Doanh thu hoạt động tài chính					187.591.343.297
Lợi nhuận khác					90.677.612.017
Chi phí tài chính					(145.820.491.774)
Lợi nhuận trước thuế					485.690.642.878
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp					(80.574.013.045)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(3.030.473.529)
Lợi nhuận trong năm					402.086.156.304
Thông tin khác					
Khấu hao					397.371.143.570

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ kho nổi. Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động cung cấp dịch vụ kho nổi chủ yếu được thực hiện ở Vũng Tàu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Dịch vụ vận tải	2.773.845.345.031	2.490.565.760.405
Dịch vụ FSO/FPSO	493.992.949.125	147.177.935.512
Thương mại	2.184.148.790.665	2.112.508.167.515
Dịch vụ khác	309.463.620.609	517.740.863.850
	<u>5.761.450.705.430</u>	<u>5.267.992.727.282</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	(389.418.250)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>5.761.450.705.430</u>	<u>5.267.603.309.032</u>

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ vận tải	2.222.992.942.858	2.058.259.405.181
Dịch vụ FSO/FPSO	317.320.176.576	90.193.319.388
Thương mại	2.175.645.864.911	2.109.947.231.925
Dịch vụ khác	268.260.041.306	460.554.708.890
	<u>4.984.219.025.651</u>	<u>4.718.954.665.384</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	728.107.830.915	758.723.346.923
Chi phí nhân công	529.516.244.997	465.084.453.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	447.313.425.698	397.371.143.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.956.696.475.105	1.530.797.802.103
Chi phí khác bằng tiền	1.138.481.576.818	1.140.966.084.905
	<u>4.800.115.553.533</u>	<u>4.292.942.831.153</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	125.101.686.314	149.105.400.154
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.801.857.409	8.283.176.688
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.508.449.800	1.723.549.300
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.161.286.461	4.831.779
	<u>131.573.279.984</u>	<u>159.116.957.921</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	96.713.521.505	94.650.191.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá	132.712.030.283	46.000.202.296
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(122.315.800)	(445.428.600)
Lỗ phát sinh từ bán chứng khoán	144.205.478	5.514.833.000
(Hoàn nhập)/chi phí tài chính khác	(2.327.401.605)	100.693.833
	<u>227.120.039.861</u>	<u>145.820.491.774</u>

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	101.615.275.295	91.046.299.387
Chi phí khác	111.812.062.826	110.906.881.718
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.649.223.876)	(12.448.709.665)
	<u>211.778.114.245</u>	<u>189.504.471.440</u>

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	16.411.641.206	85.661.402.698
Thu từ bồi thường	11.584.247.750	2.687.766.592
Thu nhập khác	39.139.380.671	11.465.561.494
Thu nhập khác	<u>67.135.269.627</u>	<u>99.814.730.784</u>
Chi phí phạt	457.323.011	2.068.766.096
Chi phí khác	14.459.704.832	7.068.352.671
Chi phí khác	<u>14.917.027.843</u>	<u>9.137.118.767</u>
Lợi nhuận khác	<u>52.218.241.784</u>	<u>90.677.612.017</u>

002
 ANH
 TY
 HUUH
 TE
 M
 CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	546.239.372.190	485.690.642.878
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	14.298.309.913	(60.056.521.785)
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(31.946.553.469)	(28.474.385.376)
Cộng: Các khoản lỗ tính thuế của Công ty con	-	528.478.707
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>30.010.225.811</u>	<u>3.556.077.764</u>
Thu nhập chịu thuế	558.601.354.445	401.244.292.188
Lỗ năm trước mang sang	<u>(46.082.253.655)</u>	<u>(69.022.916.780)</u>
Thu nhập tính thuế	512.519.100.790	332.221.375.408
Thuế suất hiện hành	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	112.754.202.174	73.088.702.590
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	<u>1.917.976.847</u>	<u>7.485.310.455</u>
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	114.672.179.021	80.574.013.045

	2015 <u>VND</u>	2014 <u>VND</u>
(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	3.030.473.529
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	<u>(1.123.581.606)</u>	-
Tổng (thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.123.581.606)	3.030.473.529

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Phương Nam và Công ty Phương Đông Việt (các công ty con của Tổng Công ty) có tổng khoản lỗ chưa sử dụng là 222.092.197.796 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 331.996.706.932 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Các khoản lỗ này chưa được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ này do các công ty này không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ. Các khoản lỗ sẽ được kết chuyển trong vòng 5 năm kể từ năm sau năm phát sinh lỗ. Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của các công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế <u>VND</u>
2017	<u>178.004.836.791</u>
	<u>178.004.836.791</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	2015	2014
Lợi nhuận trong năm (VND)	432.690.774.775	402.086.156.304
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	64.599.312.202	60.946.303.921
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	368.091.462.573	341.139.852.383
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(31.671.028.285)	(29.352.079.612)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	336.420.434.288	311.787.772.771
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	255.857.542	255.857.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.315	1.219

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 9% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trong năm 2014 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2015.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Tổng Công ty loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của Thông tư 200.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	341.139.852.383	255.857.542	1.333
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200	(29.352.079.612)	255.857.542	(114)
Số liệu trình bày lại	311.787.772.771	255.857.542	1.219

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	29.215.108.825	14.360.646.059

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	17.073.464.999	15.831.815.474
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.567.951.563	22.648.566.232
Sau năm năm	3.475.860.121	5.283.969.818
	<u><u>40.117.276.683</u></u>	<u><u>43.764.351.524</u></u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê tàu, thuê văn phòng và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe được ký với thời hạn từ 01 năm tới 06 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 01 năm đến 06 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn là 05 năm.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 24, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	3.618.182.717.065	3.867.673.683.323
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.236.855.073.354	1.719.355.604.001
Nợ thuần	1.381.327.643.711	2.148.318.079.322
Vốn chủ sở hữu	4.325.438.772.901	3.972.422.158.385
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,32</u>	<u>0,54</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.236.855.073.354	1.719.355.604.001
Đầu tư tài chính	628.196.845.200	920.730.876.945
Phải thu khách hàng và phải thu khác	830.467.628.706	670.512.626.449
Tổng cộng	3.695.519.547.260	3.310.599.107.395
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.618.182.717.065	3.867.673.683.323
Phải trả người bán và phải trả khác	1.278.327.214.237	1.151.626.133.404
Chi phí phải trả	56.274.580.960	66.806.752.349
Tổng cộng	4.952.784.512.262	5.086.106.569.076

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	247.475.760.078	79.341.774.200	2.474.690.739.469	3.281.741.139.445
Euro (EUR)	14.852.217	8.464.620	7.288.949	-
Yên Nhật (JPY)	18.518	5.695.095	779.269.155	22.250.000
Bảng Anh (GBP)	-	-	643.189.573	-
Đô la Singapore (SGD)	12.957.943	11.086.438	668.015.976	-

30-06
HÀNG
G TY
M HỮU
IT
NAM
HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 3%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5%(năm 2014: 3%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% (năm 2014: 3%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 3%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng một khoản tương ứng là 111.360.748.970 đồng (năm 2014: 96.071.980.957 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Bảng Anh, Đô la Singapore và Yên Nhật thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.236.855.073.354	-	-	2.236.855.073.354
Đầu tư tài chính	402.259.077.900	-	225.937.767.300	628.196.845.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	817.127.711.878	13.339.916.828	-	830.467.628.706
Tổng cộng	3.456.241.863.132	13.339.916.828	225.937.767.300	3.695.519.547.260
Các khoản vay	902.429.496.663	2.147.619.839.831	568.133.380.571	3.618.182.717.065
Phải trả người bán và phải trả khác	884.322.139.198	163.113.939.039	230.891.136.000	1.278.327.214.237
Chi phí phải trả	51.606.151.499	4.668.429.461	-	56.274.580.960
Tổng cộng	1.838.357.787.360	2.315.402.208.331	799.024.516.571	4.952.784.512.262
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.617.884.075.772	(2.302.062.291.503)	(573.086.749.271)	(1.257.264.965.002)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.719.355.604.001	-	-	1.719.355.604.001
Đầu tư tài chính	677.678.600.693	-	243.052.276.252	920.730.876.945
Phải thu khách hàng và phải thu khác	670.512.626.449	-	-	670.512.626.449
Tổng cộng	3.067.546.831.143	-	243.052.276.252	3.310.599.107.395
Các khoản vay	629.386.069.744	2.207.732.627.138	1.030.554.986.441	3.867.673.683.323
Phải trả người bán và phải trả khác	535.301.620.334	39.096.673.070	577.227.840.000	1.151.626.133.404
Chi phí phải trả	62.360.827.104	4.445.925.245	-	66.806.752.349
Tổng cộng	1.227.048.517.182	2.251.275.225.453	1.607.782.826.441	5.086.106.569.076
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.840.498.313.961	(2.251.275.225.453)	(1.364.730.550.189)	(1.775.507.461.681)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH PVTrans Emas	Công ty liên doanh
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần

Công ty TNHH MTV Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Đông

CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần

CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu

CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau

CN Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ

Mối quan hệ

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty thuộc Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam (Công ty con của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty liên doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.518.179.002.397	1.389.573.140.896
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	445.308.712.085	496.204.338.229
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	340.688.688.762	266.718.738.171
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	311.246.224.283	156.654.407.352
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	294.993.120.128	381.173.634.880
Công ty TNHH Khí hoá lỏng Việt Nam	169.667.008.848	149.201.571.386
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovetro	91.587.651.908	-
Công ty TNHH PVTrans Emas	88.365.954.355	341.446.889.574
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	16.684.113.777	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	16.532.306.892	3.952.564.696
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	13.901.913.215	11.567.813.834
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	11.962.144.088	1.736.009.138
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	<u>1.935.488.388</u>	<u>18.226.011.241</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	631.437.391.705	656.428.836.761
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	359.919.161.715	213.216.887.735
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	277.646.827.901	310.288.804.720
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	232.339.395.092	328.359.118.413
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	181.317.674.565	180.242.785.554
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	115.317.756.101	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	92.223.397.682	66.455.877.083
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	69.065.474.263	127.174.018.484
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	32.597.015.600	98.779.842.443
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	22.197.290.409	14.729.284.755
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	20.956.887.378	
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	20.849.727.614	29.387.536.370
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovetro	13.423.071.360	43.099.725.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	12.757.175.295	10.391.561.858
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần	4.725.733.682	24.411.645.000
Công ty TNHH Một thành viên khí hóa lỏng Việt Nam	-	21.277.013.018

2015	2014
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Chi phí lãi vay

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	15.842.217.204	21.253.818.019
---	----------------	----------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

2015	2014
<u>VND</u>	<u>VND</u>

Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	7.231.248.702	5.546.596.419
--	---------------	---------------

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 107.661.120.000 đồng (năm 2014: 75.324.201.602 đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền đồng 143.880.902.436 (2014: 0 đồng), là số tiền phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả lãi tiền vay trong năm không bao gồm số tiền 20.227.768.823 đồng (năm 2014: 46.274.124.406 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 36.032.473.005 đồng (năm 2014: 19.591.936.262 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Đơn vị: VND
						Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT						
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. TÀI SẢN						
1. Phải thu khách hàng	131	580.335.224.609	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	594.825.932.353	Phân loại lại
2. Không có chỉ tiêu tương ứng			2. Chứng khoán kinh doanh	121	6.403.710.080	Phân loại lại
3. Đầu tư ngắn hạn	121	681.142.457.373	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	674.738.747.293	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	136	174.029.179.292	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	204.588.049.425	Phân loại lại
5. Không có chỉ tiêu tương ứng			5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	671.818.182	Phân loại lại
6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.646.744.194	6. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.263.212.393	Phân loại lại
7. Tài sản ngắn hạn khác	158	45.657.083.896	7. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
8. Phải thu dài hạn khác	218	-	8. Phải thu dài hạn khác	216	8.436.142.448	Phân loại lại
9. Không có chỉ tiêu tương ứng			9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	63.052.276.252	Phân loại lại
10. Đầu tư dài hạn khác	258	243.052.276.252	10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	180.000.000.000	Phân loại lại
11. Chi phí trả trước dài hạn	271	99.990.820.970	11. Chi phí trả trước dài hạn	261	100.374.352.771	Phân loại lại
12. Tài sản dài hạn khác	273	8.445.142.448	12. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
II. NGUỒN VỐN						
1. Chi phí phải trả	316	165.953.324.952	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	62.360.827.104	Phân loại lại
2. Không có chỉ tiêu tương ứng			2. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	996.218.183	Phân loại lại
3. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	54.765.517.344	3. Phải trả ngắn hạn khác	319	54.820.829.507	Phân loại lại
4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	4. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	80.953.925.357	Phân loại lại
5. Không có chỉ tiêu tương ứng			5. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.445.925.245	Phân loại lại
6. Doanh thu chưa thực hiện	338	996.218.183	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	Phân loại lại
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18.192.647.246	Phân loại lại
8. Quỹ đầu tư phát triển	417	74.685.974.592	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	126.833.343.854	Phân loại lại
9. Quỹ dự phòng tài chính	418	52.147.369.262	9. Không có chỉ tiêu tương ứng		-	Phân loại lại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	2014	
Thu nhập khác	31	196.805.004.660	Thu nhập khác	31	99.814.730.784	Phân loại lại
Chi phí khác	32	106.127.392.643	Chi phí khác	32	9.137.118.767	Phân loại lại

Nguyễn Thế Dân
 Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 17 tháng 3 năm 2016

